

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2020/DS-ST
Ngày 25-9-2020
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trương Xuân Vũ;

2- Bà Vũ Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị B** 53 tuổi

Địa chỉ: Tổ 7 thị trấn Y T- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Tuấn** 46 tuổi

Địa chỉ: Thôn L- xã M- huyện L, đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22-7-2020 và bản tự khai nguyên đơn là chị Dương Thị B trình bày: Ngày 25-4-2019 chị đã cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền là 15.000.000 đồng, vay không lãi suất, hẹn đến ngày 12-12-2019 sẽ trả một phần. Quá thời hạn, mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng anh T vẫn khát lần, khát lượt không chịu trả số tiền vay như đã thỏa thuận, thậm chí cắt liên lạc với chị. Nay chị khởi kiện yêu cầu anh T phải trả số tiền đã vay nói trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn T có tình vắng mặt nên Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa các cá nhân với nhau và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án xét vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Ngày 25-4-2019 giữa chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn T đã xác lập hợp đồng vay tài sản với nội dung anh T vay của chị B số tiền là 15.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời hạn trả nợ lần đầu là ngày 12-12-2019. Đến nay anh T chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho chị B là đúng thực tế.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn cố tình vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập, tuy nhiên theo giấy vay tiền có chữ ký của người vay do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện số tiền anh Nguyễn Văn T vay của chị Dương Thị B là 15.000.000 đồng. Tại phiên toà chị Dương Thị B xác định sau nhiều lần Tòa án triệu tập, anh T đã trả cho chị được 9.000.000 đồng, số tiền còn lại hứa sẽ trả vào ngày 20-9-2020. Tuy nhiên anh T tiếp tục không thực hiện nội dung đã cam kết. Chị yêu cầu anh T phải trả nốt số tiền còn nợ là 6.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại khoản 1 điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*. Trong vụ án này mặc dù chị B đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh T vẫn không thanh toán đầy đủ số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị B có căn cứ chấp nhận, cần buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ phải trả cho chị Dương Thị B số tiền trên.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị Dương Thị B được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ điều 357 và các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ phải trả cho chị Dương Thị B số tiền là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Căn cứ khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Anh Nguyễn Văn Tphải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Dương Thị B được hoàn lại 375.000 (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo B lai số AA/2017/0008221 ngày 22-7-2020.

3/Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn Tcó quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô